

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG SƠN
TỈNH QUẢNG NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 20/2024/HNGĐ-ST
Ngày 23/9/2024
V/v “Xin ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tam

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Hồ Thị Hoàng Nga
- Bà Phan Thị Ngọc Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Hoàng Sa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Sơn tham gia phiên tòa: Không

Ngày 23 tháng 9 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Nông Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2024 về việc: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 15 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Hồ Thị Diệu L**, sinh năm: 1999; địa chỉ: **Thôn A, xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị**;

* Chị **L** vắng mặt có lý do (có đơn xin giải quyết vắng mặt);

- Bị đơn: Anh **Huỳnh Ngọc K**, sinh năm 2000; địa chỉ: **Tổ dân phố N, thị trấn T, huyện N, tỉnh Quảng Nam**;

* Có mặt;

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Lê Văn Bảo K1**, sinh năm 2000; địa chỉ: **Tổ dân phố T, thị trấn T, huyện N, tỉnh Quảng Nam**.

* Ông **K1** vắng mặt có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/7/2024, bản tự khai nguyên đơn chị **Hồ Thị Diệu L** trình bày: Tôi và anh **Huỳnh Ngọc K** là vợ chồng hợp pháp có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị vào ngày 23/7/2020. Trong quá trình chung sống giữa hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, hai vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Từ tháng 3/2024 đến nay hai vợ chồng không còn sống chung. Nay chị **L** thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó chị **L** yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh **Huỳnh Ngọc K**.

Về con chung: Có một con chung tên Huỳnh Ngọc Gia H, sinh ngày 05/01/2021. Hiện cháu H đang ở cùng chị L, khi ly hôn chị L có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con và yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị L khai vợ chồng chị không có tài sản chung và nợ chung.

* Bị đơn, tại bản tự khai và tại phiên tòa anh Huỳnh Ngọc K trình bày: Tôi và cô Huỳnh Thị Diệu L1 là vợ chồng hợp pháp có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị vào ngày 23/7/2020. Trong quá trình chung sống giữa hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do không cùng quan điểm sống;; thường xuyên cãi vã nhau. Từ tháng 3/2024 đến nay hai vợ chồng không còn chung sống với nhau nữa; chị L1 tự ý bỏ về nhà cha mẹ ruột ở C, C, Quảng Trị sống với cha mẹ. Nay cô L1 yêu cầu ly hôn thì tôi cũng đồng ý.

Về con chung: Có một con chung tên Huỳnh Ngọc Gia H, sinh ngày 05/01/2021. Hiện cháu H đang ở cùng chị L1, khi ly hôn anh K thống nhất giao chị L1 được tiếp tục nuôi con và đồng ý cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000 đồng để nuôi cháu H.

Về tài sản chung: Anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung. Về nợ chung: Anh K khai vợ chồng anh chị không có nợ chung.

* Xét ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích của nguyên đơn thấy phù hợp nên chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng: Anh Huỳnh Ngọc K có hộ khẩu thường trú tại xã N, huyện N, tỉnh Quảng Nam; chị L1 yêu cầu ly hôn nên quan hệ pháp luật giải quyết là tranh chấp “ly hôn”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nông Sơn theo khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hồ Thị Diệu L, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị L có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

2. Về nội dung vụ án: Quan hệ hôn nhân: anh Huỳnh Ngọc K là vợ chồng hợp pháp có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị vào ngày 23/7/2020. Trong quá trình chung sống giữa hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, hai vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Từ tháng 3/2024 đến nay hai vợ chồng không còn sống chung. Nay chị L thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó chị Thương yêu c Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Huỳnh Ngọc K

Chị **Hồ Thị Diệu L** kiên quyết xin ly hôn, có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải và đơn xin giải quyết vắng mặt do đó không tiến hành hòa giải đoàn tụ được.

Tại phiên tòa anh **K** cũng đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị **Hồ Thị Diệu L**.

Điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chị **L** và anh **K** đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị **L** là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Có một con chung tên **Huỳnh Ngọc Gia H**, sinh ngày 05/01/2021. Khi ly hôn chị **L** có nguyện vọng nuôi con và yêu cầu anh **K** cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng một triệu đồng. Hiện cháu **H** đang ở cùng chị **L** nên xét thấy cần giao cháu **H** cho chị **L** tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và đảm bảo sự phát triển và quyền lợi của cháu là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con, chấp nhận yêu cầu của chị **L**, buộc anh **Hùng Ngọc K2** cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000 đồng để nuôi con chung cho đến khi cháu **H** đến tuổi trưởng thành.

Anh **Huỳnh Ngọc K** được quyền thăm nom con chung không ai được quyền cản trở phù hợp với Điều 82 và Điều 83 luật hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị **L** và anh **K** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

* Xét ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích của nguyên đơn thấy phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 54, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 luật hôn nhân và gia đình, điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Hồ Thị Diệu L** về việc “*Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung*” với anh **Huỳnh Ngọc K**”.

- **Về quan hệ hôn nhân:** Cho chị **Hồ Thị Diệu L** được ly hôn anh **Huỳnh Ngọc K**.

- Về con chung: Giao cháu **Huỳnh Ngọc Gia H**, sinh ngày 05/01/2021, cho chị **Hồ Thị Diệu L** tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh **Huỳnh Ngọc K** phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng kể từ thời điểm bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu **Huỳnh Ngọc Gia H** thành niên (tròn 18 tuổi).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, anh **Huỳnh Ngọc K** còn phải chịu tiền lãi của số tiền cấp dưỡng chậm thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thanh toán.

Anh **Huỳnh Ngọc K** có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Khi cần thiết các bên đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- **Về án phí:** Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị **Hồ Thị Diệu L** phải chịu, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị **T** đã nộp theo biên lai thu số 0020287 ngày 09/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nông Sơn.

Anh **Huỳnh Ngọc K** có nghĩa vụ chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm về cấp dưỡng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo gửi lên Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam để yêu cầu xét xử theo trình tự phúc thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Nông Sơn;
- Chi cục THADS huyện Nông Sơn;
- UBND xã Cam Tuyền;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Nguyễn Ngọc Tam